

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2011/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2012 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2010 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIII, kỳ họp thứ 3 về việc phê chuẩn giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Văn bản số 228/HĐND-VP ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung số liệu trong dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 621/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Phạm vi áp dụng:

1. Giá các loại đất năm 2012 làm căn cứ để:

- a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- b) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật đất đai năm 2003;
- c) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;
- d) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;
- đ) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;
- e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;
- f) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại quyết định này.

3. Mức giá đất quy định tại quyết định này không áp dụng trong các trường hợp người sử dụng đất tự thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày kể ngày 01 tháng 01 năm 2012 và thay thế Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành giá các loại đất năm 2011 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của bảng giá đất ở năm 2011 trên địa bàn thị xã Lai Châu.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, CV các khối;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

Nguyễn Khắc Chử

QUY ĐỊNH

GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2012 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 29 /12/2011 của UBND tỉnh Lai Châu)

A- BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2012 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

I. HUYỆN THAN UYÊN

I.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2 VỤ)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Than Uyên, Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà.	28	25	22
2	Mường Kim, Ta Gia.	26	21	18
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu.	22	15	13

I.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Than Uyên, Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà.	27	24	22
2	Mường Kim, Ta Gia.	25	20	18
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu.	21	15	13

I.3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Than Uyên, Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà.	25	23	20
2	Mường Kim, Ta Gia.	20	16	14
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu.	18	13	11

I.4. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Than Uyên, Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà.	26	23	19
2	Mường Kim, Ta Gia.	24	19	13
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu.	20	14	8

I.5. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Than Uyên, Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà.	7	6	5
2	Mường Kim, Ta Gia.	5	4	3
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu.	4	3	2

I.6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1	Khu vực 2			Khu vực 3		
			VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà	450	315	225	320	224	120	
2	Mường Kim, Ta Gia	350	240	170	200	120	79	
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu	145	108	77	100	60	43	

I.7. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1	Khu vực 2			Khu vực 3		
			V1	V2	V3	VT1	VT2	
1	Mường Cang, Mường Than, Phúc Than, Hua Nà.	360	25	18	0	256	179	96
2	Mường Kim, Ta Gia.	280	19	16	0	160	96	63
3	Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung, Mường Mít, Pha Mu.	116	81	70	0	80	48	34

Ghi chú:

- **Xã Mường Cang:** **Khu vực 1:** QL 32 đoạn từ tiếp giáp cầu Mường Cang đến hết nhà ông Hành. **Khu vực 2:** Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hành đến hết địa phận xã; Đoạn từ trạm bảo vệ thực vật đến hết khu dân cư. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Mường Than:** **Khu vực 1:** Đoạn từ hết địa phận thị trấn đến đường vào Phương Quang. **Khu vực 2:** Đường vào Phương Quang đến hết địa phận xã. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Phúc Than:** **Khu vực 1:** Đường rẽ Sang Ngà, Nà Phát đến cầu Che Pó; Đoạn thứ 2 từ Quốc lộ 279 đến đường rẽ vào điểm tái định cư Sấp Ngựa 1, 2, 3. **Khu vực 2:** Từ cầu Che Pó đến hết địa phận xã; đoạn 2 từ cầu Mường Than đến đường rẽ vào bản Nà Phát. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Mường Kim:** **Khu vực 1:** Đoạn tiếp giáp Trường cấp 2 đến cầu sắt. **Khu vực 2:** Đoạn tiếp giáp xã Mường Cang đến hết Trường cấp 2. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

I.8. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 32	Cầu Mường Cang	Hết ranh giới hạt Kiểm lâm
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp Hạt Kiểm lâm	Hết địa phận Sân vận động
3	Quốc lộ 32	Tiếp giáp Sân vận động	Tiếp giáp Ngã 3 Quốc lộ 279
4	Quốc lộ 32	Ngã ba Quốc lộ 279	Ông hết Chiêng
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp nhà ông Chiêng	Đường rẽ vào bản Đông
6	Nhánh Quốc lộ 32	Ngã 3 ông Tuấn (Yên)	Hết Công an huyện khu 2
7	Quốc lộ 279	Ngã 3 Quốc lộ 32	Hết cổng nghĩa trang
8	Nhánh Quốc lộ 32	Nhà ông Toàn Hiền	Giáp địa phận ông Đức(Sáu)
9	Nhánh nối Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Trường (Loan) khu 5A	Ngã 3 QL279 (trườngPTTH)
10	Nhánh nối Quốc lộ 32	UBND thị trấn Than Uyên	Hết địa phận nhà ông Thu

11	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Hồng Thao khu 5A	Hết nhà ông Trang(Liên)
12	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Tòng(Hải)	Hết nhà ông Thịnh(Vượng) khu 5B
13	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Dũng (Loan) khu 5B	Hết Trạm Y tế thị trấn
14	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Quyết khu 7B	Hết nhà ông Mô
15	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà bà Lân khu 7B	Hết nhà ông Trọng
16	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã 3 nhà Minh(Thuý)	Hết địa phận nhà ông Quý(Thanh)
17	Nhánh nối QL32	Nhà ông Minh (Nụ) khu 5A	Hết địa phận Bà Định
18	Nhánh nối QL32	Ngã 3 nhà ông ái(Liên)	Hết địa phận Hồ Bản Đông xã Mường Than
19	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã ba (ông Tuyên)	Hết Nhà khách huyện uỷ
20	Nhánh nối Quốc lộ 32	Tiếp giáp Nhà khách huyện uỷ	Cổng Huyện đội nhà bà (Hương Sinh)
21	Nhánh nối Quốc lộ 32	Phòng Tài chính-KH	Hội trường UBND huyện khu 2
22	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã tư Nhà khách UBND	Ngã tư (ông Nghi khu 3)
23	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã 3 (Ông Thịnh Thọ)	Hết địa phận nhà ông Đệ Dung
24	Nhánh nối Quốc lộ 32	Phòng Văn hoá	Ngã 3 (hết đất bà Uyên) khu 3
25	Đường nội thị	Nhà ông Thuỷ Phượng	Hết Tung tâm GDTX huyện
26	Đoạn đường phía sau chợ trung tâm	Địa phận nhà bà Thêu	Hết địa phận nhà ông Tâm (Hải)
27	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (bà Thanh)
28	Đường sau Sân vận động	Địa phận nhà ông Lộc	Hết địa phận nhà Dũng(Tâm)
29	Đoạn nhánh khu 4	Ngã 4 nhà ông Cẩm	Hết địa phận TT Y tế (Đập tràn)
30	Đường nhánh sau Bưu điện huyện	Nhà Ông Hoà - Hương	Nhà Ông Dũng(Trâm)
31	Đường nội thị	Địa phận nhà Dung (Loan)	Cầu khu 8
32	Đường nhánh khu 2	Địa phận nhà ông Bắc(Hồng)	Hết địa phận nhà Kế Miên
33	Đường nội thị	Tiếp giápTrạm Y Tế thị trấn	Nhà ông Cúc-Tượng khu 11
34	Đường nhánh khu 3	Giáp TTGDTX huyện	Bờ Hồ
35	Đường nội thị	Giáp Nhà Vương(Thuỷ) khu 5B	Hết nhà ông Tân (Hậu)
36	Đường nhánh khu 8	Cầu khu 8	Hết nhà ông Thông(Mão)
37	Đường nội thị	Tiếp giáp HTUBND huyện	Hết địa phận nhà Năm (Lý)
38	Đoạn nhánh khu 2	Tiếp giáp đất công an(XuânSơn)	Hết đất Bà Tự
39	Đoạn B10 khu 6 nối QL279 với trục 3	Tiếp giáp QL279	Tiếp giáp đường trục 3
40	Đường QL 279	Giáp công nghĩa trang liệt sỹ	Hết địa phận thị trấn Than Uyên
41	Các đường còn lại		

9. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 32	Cầu Mường Cang	Hết ranh giới hạt Kiểm lâm
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp Hạt Kiểm lâm	Hết địa phận Sân vận động
3	Quốc lộ 32	Tiếp giáp Sân vận động	Tiếp giáp Ngã 3 Quốc lộ 279
4	Quốc lộ 32	Ngã ba Quốc lộ 279	Ông hết Chiêng
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp nhà ông Chiêng	Đường rẽ vào bản Đông
6	Nhánh Quốc lộ 32	Ngã 3 ông Tuấn (Yên)	Hết Công an huyện khu 2
7	Quốc lộ 279	Ngã 3 Quốc lộ 32	Hết cổng nghĩa trang
8	Nhánh Quốc lộ 32	Nhà ông Toàn Hiền	Giáp địa phận ông Đức(Sáu)
9	Nhánh nối Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Trường (Loan) khu 5A	Ngã 3 QL279 (trườngPTTH)
10	Nhánh nối Quốc lộ 32	UBND thị trấn Than Uyên	Hết địa phận nhà ông Thu
11	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Hồng Thao khu 5A	Hết nhà ông Trang(Liên)
12	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Tòng(Hải)	Hết nhà ông Thịnh(Vượng) khu 5B
13	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Dũng (Loan) khu 5B	Hết Trạm Y tế thị trấn
14	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà ông Quyết khu 7B	Hết nhà ông Mô
15	Nhánh nối Quốc lộ 32	Nhà bà Lân khu 7B	Hết nhà ông Trọng
16	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã 3 nhà Minh(Thủy)	Hết địa phận nhà ông Quý(Thanh)
17	Nhánh nối QL32	Nhà ông Minh (Nụ) khu 5A	Hết địa phận Bà Định
18	Nhánh nối QL32	Ngã 3 nhà ông ái(Liên)	Hết địa phận Hồ Bản Đông xã Mường Than
19	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã ba (ông Tuyên)	Hết Nhà khách huyện uỷ
20	Nhánh nối Quốc lộ 32	Tiếp giáp Nhà khách huyện uỷ	Cổng Huyện đội nhà bà (Hương Sinh)
21	Nhánh nối Quốc lộ 32	Phòng Tài chính-KH	Hội trường UBND huyện khu 2
22	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã tư Nhà khách UBND	Ngã tư (ông Nghi khu 3)
23	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã 3 (Ông Thịnh Thọ)	Hết địa phận nhà ông Đệ Dung
24	Nhánh nối Quốc lộ 32	Phòng Văn hoá	Ngã 3 (hết đất bà Uyên) khu 3
25	Đường nội thị	Nhà ông Thủy Phượng	Hết Tung tâm GDTX huyện
26	Đoạn đường phía sau chợ trung tâm	Địa phận nhà bà Thêu	Hết địa phận nhà ông Tâm (Hải)
27	Nhánh nối Quốc lộ 32	Ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (bà Thanh)
28	Đường sau Sân vận động	Địa phận nhà ông Lộc	Hết địa phận nhà Dũng(Tâm)
29	Đoạn nhánh khu 4	Ngã 4 nhà ông Cẩm	Hết địa phận TT Y tế (Đập tràn)
30	Đường nhánh sau Bưu điện huyện	Nhà Ông Hoà - Hương	Nhà Ông Dũng(Trâm)
31	Đường nội thị	Địa phận nhà Dung (Loan)	Cầu khu 8
32	Đường nhánh khu 2	Địa phận nhà ông Bắc(Hồng)	Hết địa phận nhà Kế Miên
33	Đường nội thị	Tiếp giápTrạm Y Tế thị trấn	Nhà ông Cúc-Tượng khu 11

34	Đường nhánh khu 3	Giáp TTGD TX huyện	Bờ Hồ
35	Đường nội thị	Giáp Nhà Vương(Thủy) khu 5B	Hết nhà ông Tân (Hậu)
36	Đường nhánh khu 8	Cầu khu 8	Hết nhà ông Thông(Mão)
37	Đường nội thị	Tiếp giáp HTUBND huyện	Hết địa phận nhà Năm (Lý)
38	Đoạn nhánh khu 2	Tiếp giáp đất công an(Xuân Sơn)	Hết đất Bà Tự
39	Đoạn B10 khu 6 nối QL279 với trục 3	Tiếp giáp QL279	Tiếp giáp đường trục 3
40	Đường QL 279	Giáp công nghĩa trang liệt sỹ	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên
41	Các đường còn lại		

II. HUYỆN TÂN UYÊN

II.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2VỤ)

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Tân Uyên.
2	Các xã: Thân Thuộc, Pắc Ta, Trung Đồng, Mường Khoa, Phúc Khoa, Hồ Mít.
3	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Tà Mít.

II.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Tân Uyên.
2	Các xã: Thân Thuộc, Pắc Ta, Trung Đồng, Mường Khoa, Phúc Khoa, Hồ Mít.
3	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Tà Mít.

II.3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LẬU NĂM

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Tân Uyên.
2	Các xã: Thân Thuộc, Pắc Ta, Trung Đồng, Mường Khoa, Phúc Khoa, Hồ Mít.
3	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Tà Mít.

II.4. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Tân Uyên.
2	Các xã: Thân Thuộc, Pắc Ta, Trung Đồng, Mường Khoa, Phúc Khoa, Hồ Mít.
3	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Tà Mít.

II.5. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Tân Uyên.
2	Các xã: Thân Thuộc, Pắc Ta, Trung Đồng, Mường Khoa, Phúc Khoa, Hồ Mít, Nậm Cần, Nậm Sỏ, Tà Mít.

II.6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu
		VT1	VT2	VT3	VT1
1	Xã Thân Thuộc.	310	220	150	200
2	Xã Trung Đồng, Phúc Khoa.	280	180	130	180
3	Xã Pắc Ta.	230	160	115	160
4	Xã Mường Khoa.	185	130	95	140
5	Xã Nậm Cần.	115	80	60	95
6	Nậm Sỏ, Tà Mít, Hồ Mít.	110	75	55	85

II.7. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu
		VT1	VT2	VT3	VT1
1	Xã Thân Thuộc.	280	176	120	160
2	Xã Trung Đồng, Phúc Khoa.	224	144	104	144
3	Xã Pắc Ta.	184	128	92	128
4	Xã Mường Khoa.	148	104	76	112
5	Xã Nậm Cần.	92	64	48	76
6	Nậm Sỏ, Tà Mít, Hồ Mít.	88	60	44	68

Ghi chú:

- **Xã Pắc Ta: Khu vực 1:** Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp địa phận Trạm xá đến điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Ún; Quốc lộ 32: Đoạn từ đường rẽ Mít Thái đến giáp địa phận xã Phúc Than, huyện Than Uyên. **Khu vực 2:** Quốc lộ 32: Đoạn từ Trạm xá đến hết địa phận đường rẽ vào bản Mít Thái; nhánh Quốc lộ 32 đến ngã ba đường rẽ đi bản Cang A (xã Hồ Mít); Từ đường rẽ vào bản Nà ún đến hết địa phận xã (*tiếp giáp địa phận xã Trung Đồng*). **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Thân Thuộc: Khu vực 1:** Quốc lộ 32 (Đoạn từ tiếp giáp xã Trung Đồng đến giáp địa phận thị trấn Tân Uyên). **Khu vực 2:** Đường Nậm Cần - Nậm Sỏ (tiếp giáp Quốc lộ 32 đến hết địa phận bản Tằng Đán). **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Trung Đồng: Khu vực 1:** Quốc lộ 32 (đoạn từ tiếp giáp xã Thân Thuộc đến hết địa phận Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng Phòng hộ huyện). **Khu vực 2:** Đoạn từ tiếp giáp Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng Phòng hộ huyện đến hết địa phận xã Trung Đồng (*giáp địa phận xã Pắc Ta*); Khu vực trung tâm xã; bản Bút trên, bản Bút dưới. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Phúc Khoa: Khu vực 1:** Quốc lộ 32 (đoạn từ tiếp giáp cống Hạt giao thông đến cầu Nậm Bon). **Khu vực 2:** Quốc lộ 32 (đoạn từ tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên đến hết cống Hạt giao thông); Đoạn từ cầu Nậm Bon đến hết địa phận xã (*tiếp giáp xã Bản Bo, huyện Tam Đường*); Đường trung tâm xã đoạn ngã ba giao nhau với Quốc lộ 32 đến hết khu nghĩa địa bản Ngọc Lại. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

II.8. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 32	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng xăng dầu số 8 Chi nhánh La

2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng tổ dân phố 3
3	Quốc lộ 32	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết địa phận Chi cục thuế huyện
4	Quốc lộ 32	Tiếp giáp Chi cục thuế huyện	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (giáp xã TH Thuộc)
5	Quốc lộ 32	Phía Bắc cổng Đội 3	Hết địa phận thị trấn (giáp xã Phúc Khoa)
6	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Ngã tư trường Mầm non
7	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Hết địa phận Nhà máy chè Than Uyên
8	Nhánh Quốc lộ 32	Ngã tư trường Mầm non	Ngã ba giao Quốc lộ 32 và đường vào nhà chè
9	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Bệnh viện	Cầu qua suối Nà Ban
10	Nhánh Quốc lộ 32	Bưu điện	Tiếp giáp đường Bệnh viện mới
11	Nhánh Quốc lộ 32	Đường rẽ vào khu nhà TĐ thể thao	Cổng bệnh viện mới
12	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cổng nghĩa trang nhân dân
13	Các nhánh còn lại	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường
14	Đường quy hoạch xung quanh chợ.		
15	Khu, Đội 1, 3, 4, 7, 24		
16	Các bản và tổ dân phố còn lại		
Khu trung tâm hành chính, chính trị huyện			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Ngã 5 Quốc lộ 32	Nhà khách (Q-6)
18	Đường nhánh	Ngã 3 bưu điện (Q-7)	Tiếp giáp Viện kiểm sát nhân dân(Q-12)
19	Nhánh Quốc lộ 32	Cây xăng (C-3)	Hết đất Viện kiểm sát (Q-12)
20	Đường nhánh	Ban quản lý dự án, khu nhà công vụ cán bộ công chức, viên chức (Q-6)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn(Q-5)
21	Đường nhánh	Ngã 3 đường QH khu công cộng (C-4)	Hết đất trường trung tâm giáo dục thường xuyên(T-4)
22	Đường nhánh	Ngã 4 đường QH khu công cộng (C-4)	Giáp ranh trường THPT (T-2) và Trường D (T-5)
23	Đường nhánh	Ngã 3 đường QH khu công cộng (C-4)	Nhà văn hoá, CLB, thư viện(Q - 13)
24	Đường nội thị	Nhà ông Sang (Thơm)	Đường giao nhau nhà máy chè và trường non
25	Đường nội thị	Bưu điện	Tiếp giáp Bệnh viện mới
26	Các tuyến đường kê hạ lưu, thượng lưu suối Nậm Chăng Luông		

II.9. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 32	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nội	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh Lai
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng tổ dân phố 3
3	Quốc lộ 32	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết địa phận Chi cục thuế huyện
4	Quốc lộ 32	Tiếp giáp Chi cục thuế huyện	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (giáp xã TH Thuộc)

5	Quốc lộ 32	Phía Bắc cổng Đội 3	Hết địa phận thị trấn (giáp xã Phúc Khoa)
6	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Ngã tư trường Mầm non
7	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Hết địa phận Nhà máy chè Than Uyên
8	Nhánh Quốc lộ 32	Ngã tư trường Mầm non	Ngã ba giao Quốc lộ 32 và đường vào nhà chè
9	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Bệnh viện	Cầu qua suối Nà Ban
10	Nhánh Quốc lộ 32	Bưu điện	Tiếp giáp đường Bệnh viện mới
11	Nhánh Quốc lộ 32	Đường rẽ vào khu nhà thi đấu thể thao	Cổng bệnh viện mới
12	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cổng nghĩa trang nhân dân
13	Các nhánh còn lại	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường
14	Đường quy hoạch xung quanh chợ.		
15	Khu, Đội 1, 3, 4, 7, 24		
16	Các bản và tổ dân phố còn lại		
	Khu trung tâm hành chính, chính trị huyện		
17	Nhánh Quốc lộ 32	Ngã 5 Quốc lộ 32	Nhà khách (Q-6)
18	Đường nhánh	Ngã 3 bưu điện (Q-7)	Tiếp giáp Viện kiểm sát nhân dân(Q-12)
19	Nhánh Quốc lộ 32	Cây xăng (C-3)	Hết đất Viện kiểm sát (Q-12)
20	Đường nhánh	Ban quản lý dự án, khu nhà công vụ CBCC VC (Q-6)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn(Q-5)
21	Đường nhánh	Ngã 3 đường QH khu công cộng (C-4)	Hết đất trường trung tâm giáo dục thường xuyên(T-4)
22	Đường nhánh	Ngã 4 đường QH khu công cộng (C-4)	Giáp ranh trường THPT (T-2) và Trường D 5)
23	Đường nhánh	Ngã 3 đường QH khu công cộng (C-4)	Nhà văn hoá, CLB, thư viện(Q - 13)
24	Đường nội thị	Nhà ông Sang (Thơm)	Giao nhau đường nhà máy chè và trường non
25	Đường nội thị	Bưu điện	Tiếp giáp Bệnh viện mới
26	Các tuyến đường kê hạ lưu, thượng lưu suối Nậm Chăng Luông		

III. HUYỆN TAM ĐƯỜNG

III.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2VỤ)

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Xã Bình Lư, thị trấn Tam Đường
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình
3	Các xã: Thèn Sin, Hồ Thầu, Giang Ma, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Nà Tăm.
4	Các xã: Khun Há, Tả Lèng, Nùng Nàng

III.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Xã Bình Lư, thị trấn Tam Đường
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình
3	Các xã: Thèn Sin, Hồ Thầu, Giang Ma, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Nà Tăm.

4	Các xã: Khun Há, Tả Lềng, Nùng Nàng
---	-------------------------------------

III.3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Xã Bình Lư, thị trấn Tam Đường
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình
3	Các xã: Thèn Sin, Hồ Thầu, Giang Ma, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Nà Tăm.
4	Các xã: Khun Há, Tả Lềng, Nùng Nàng

III.4. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Xã Bình Lư, thị trấn Tam Đường
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình
3	Các xã: Thèn Sin, Hồ Thầu, Giang Ma, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Nà Tăm.
4	Các xã: Khun Há, Tả Lềng, Nùng Nàng

III.5. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Xã Bình Lư, thị trấn Tam Đường
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình
3	Các xã: Thèn Sin, Hồ Thầu, Giang Ma, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Nà Tăm.
4	Các xã: Khun Há, Tả Lềng, Nùng Nàng

III.6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2
		VT1	VT2	VT3	VT1
1	Xã Bình Lư	250	140	115	190
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình, Hồ Thầu	120	75	50	90
3	Các xã: Thèn Sin, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Tả Lềng, Nùng Nàng, Nà Tăm	115	70	45	85
4	Xã Khun Há	90	55	40	60
5	Đường Trường Chinh (đoạn trên địa bàn xã Sùng Phài)	650	330	220	

III.7. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2
		VT1	VT2	VT3	VT1

1	Xã Bình Lư	200	112	92	152
2	Các xã: Bản Bo, Sơn Bình, Hồ Thầu	96	60	40	72
3	Các xã: Thèn Sin, Bản Giang, Bản Hon, Sùng Phài, Tả Lèng, Nùng Nàng, Nà Tăm	92	56	36	68
4	Xã Khun Há	72	44	32	48
5	Đường Trường Chinh (đoạn trên địa bàn xã Sùng Phài)	520	264	176	

Ghi chú:

- **Xã Bình Lư:** **Khu vực 1:** Quốc lộ 4D đoạn từ tiếp giáp cống bà Hà đến ngã 3 dốc Đò. **Khu vực 2:** Đường liên xã (đi xã Nà Tăm) đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến tiếp giáp địa phận xã Nà Tăm; Đường liên bản đoạn từ ngã ba thị trấn Tam Đường đi bản Pa Pe; đoạn từ ngã ba đường đi bản Hoa Vân đến trường tiểu học số 1 xã Bình Lư. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Bản Bo:** **Khu vực 1:** Quốc lộ 32 (đoạn từ trụ sở UBND xã đến cống nhà ông Giăng). **Khu vực 2:** Quốc lộ 32 đoạn từ trụ sở UBND xã đến địa phận xã Sơn Bình; đoạn từ cống ông Giăng đến giáp địa phận xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên; Đường Liên xã đi xã Nà Tăm từ tiếp giáp khu vực 1 đến tiếp giáp địa phận xã Nà Tăm; Đường nhánh, đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 32 đến Bản Hợp Nhất. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Thèn Sin:** **Khu vực 1:** Đường liên huyện, đoạn từ cầu bê tông bản Lở Thàng đến trạm y tế; Đoạn đường từ ngã ba trường THCS đến tiếp giáp đường đi Sin Suối Hồ; Đường đi Sin Súi Hồ, đoạn tiếp giáp đường liên huyện đến hết địa phận bản Đông Phong. **Khu vực 2:** Đất tiếp giáp đường giao thông liên huyện, đoạn từ tiếp giáp trạm y tế đến hết bản Na Đông; Đất tiếp giáp đường giao thông, đoạn từ cầu bê tông đến tiếp giáp địa phận xã San Thàng thị xã Lai Châu; Đường liên huyện đi Sin Súi Hồ, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến tiếp giáp ngã ba Pan Khèo. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Sơn Bình:** **Khu vực 1:** Quốc lộ 4D, đoạn từ ngã ba Quốc lộ 32 đến tiếp giáp suối ông Hải - Bản 46; Quốc lộ 32, đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4D đến tiếp giáp địa phận xã Bản Bo. **Khu vực 2:** Quốc lộ 4D, đoạn từ Suối ông Hải đến hết ranh giới đất nhà ông Sơn Tho. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Hồ Thầu:** **Khu vực 1:** Quốc lộ 4D, đoạn từ tiếp giáp thị trấn Tam Đường đến trụ sở UBND xã +500m. **Khu vực 2:** Quốc lộ 4D, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến địa phận xã Giang Ma. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Giang Ma:** **Khu vực 1:** Quốc lộ 4D, đoạn từ giáp ranh thị xã đến hết địa phận Cung giao thông. **Khu vực 2:** Quốc lộ 4D, đoạn từ tiếp giáp địa phận Cung giao thông đến tiếp giáp địa phận xã Hồ Thầu. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Bản Hon:** **Khu vực 1:** Đường liên xã, đoạn từ tiếp giáp địa phận xã Bản Giang đến hết bản Nà Khum. **Khu vực 2:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ tiếp giáp địa phận bản Nà Khum đến tiếp giáp xã Bình Lư, Khun Há. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Bản Giang:** **Khu vực 1:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ địa phận bản trung tâm xã (mới) đến tiếp giáp địa phận xã San Thàng, đoạn từ ngã 3 UBND xã (cũ) đến hết địa phận Trạm y tế xã. **Khu vực 2:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ ngã 3 đi xã Bản Hon đến tiếp giáp địa phận xã Bản Hon; Đường giao thông liên bản, đoạn từ địa phận bản trung tâm xã (mới) đến trung tâm các bản trong xã. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Sùng Phài:** **Khu vực 1:** Đường giao thông nông thôn, đoạn từ tiếp giáp địa phận thị xã Lai Châu đến UBND xã và từ UBND xã đi các hướng + 200m. **Khu vực 2:** Đường giao thông, đoạn từ UBND xã + 200m đến Trung tâm y tế xã. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Nùng Nàng:** **Khu vực 1:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ tiếp giáp địa phận thị xã đến qua trụ sở UBND xã + 500m. **Khu vực 2:** Đường giao thông liên bản, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến trung tâm các bản trong xã. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Nà Tăm:** **Khu vực 1:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ trụ sở UBND xã + 500 m theo các hướng. **Khu vực 2:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến địa phận các xã: Bản Bo, Bình Lư. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Khun Há:** **Khu vực 1:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ trụ sở UBND xã + 500 m theo các hướng. **Khu vực 2:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến bản Ngải Thầu thấp; Đường giao thông liên xã, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến tiếp giáp địa phận xã Bản Hon. **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

- **Xã Tả Lèng:** **Khu vực 1:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ trụ sở UBND xã + 500 m theo các hướng. **Khu vực 2:** Đường giao thông liên xã, đoạn từ tiếp giáp khu vực 1 đến trung tâm các bản, đến trạm y tế, đến tiếp giáp địa phận xã San Thàng; **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại.

III.8. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 4D	Ngã 3 công an thị trấn	Ngã 3 đường đi Bản Hon
2	Quốc lộ 4D	Ngã 3 đường đi Bản Hon	Ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện
3	Quốc lộ 4D	Ngã 3 đường 36m vào khu TTHC huyện	Cầu Mường Cầu
4	Quốc lộ 4D	Cầu Mường Cầu	Cầu Tiên Bình
5	Quốc lộ 4D	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu
6	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D	Hết địa phận nhà máy nước
7	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D	Ngã 3 đường vào bản Nà Đon
8	Đường 36m	Tiếp giáp quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường 36m tránh 4D
9	Đường 36m	Cây xăng Thảo Trang	Cầu Tiên Bình
10	Đường 36m	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường số 6
11	Đường 36m	Tiếp giáp đường số 6	Tiếp giáp ngã 3 CA thị trấn
12	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 3 công an thị trấn	Hết cổng nhà bà Hà
13	Đường B1 (khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường
14	Đường 20,5m khu TĐC Thác Cạn	Đầu đường	Cuối đường
15	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường
16	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường
17	Đường 13,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường
18	Đường 11m (khu TTHC huyện)	Đầu đường	Cuối đường
19	Đường 11m khu TĐCCA huyện	Đầu đường	Cuối đường
20	Đường số 6 (15,5m)	Đầu đường	Cuối đường
21	Đường số 7 (15,5m)	Quốc lộ 4D	đường 36m tránh 4D
22	Đường huyện đội (9 m)		
23	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn		

III.9. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 4D	Ngã 3 công an thị trấn	Ngã 3 đường đi Bản Hon
2	Quốc lộ 4D	Ngã 3 đường đi Bản Hon	Ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện
3	Quốc lộ 4D	Ngã 3 đường 36m vào khu TTHC huyện	Cầu Mường Cầu
4	Quốc lộ 4D	Cầu Mường Cầu	Cầu Tiên Bình
5	Quốc lộ 4D	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu
6	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D	Hết địa phận nhà máy nước
7	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D	Ngã 3 đường vào bản Nà Đon

8	Đường 36m	Tiếp giáp quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường 36m tránh 4D
9	Đường 36m	Cây xăng Thảo Trang	Cầu Tiên Bình
10	Đường 36m	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường số 6
11	Đường 36m	Tiếp giáp đường số 6	tiếp giáp ngã 3 công an thị trấn
12	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 3 (công an thị trấn)	Hết cổng nhà bà Hà
13	Đường B1 (khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường
14	Đường 20,5m khu TĐC Thác Cạn	Đầu đường	Cuối đường
15	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường
16	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường
17	Đường 13,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường
18	Đường 11m (khu TTHC huyện)	Đầu đường	Cuối đường
19	Đường 11m khu TĐCCA huyện	Đầu đường	Cuối đường
20	Đường số 6 (15,5m)	Đầu đường	Cuối đường
21	Đường số 7 (15,5m)	Quốc lộ 4D	đường 36m tránh 4D
22	Đường huyện đội		
23	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn		

IV. THỊ XÃ LAI CHÂU

IV.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

Tên đơn vị hành chính	VT1
Các phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Thắng; các xã: San Thành, Nậm Loỏng.	25

IV.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Tên đơn vị hành chính	VT1
Các phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Thắng; các xã: San Thành, Nậm Loỏng.	23

IV.3. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Tên đơn vị hành chính	VT1
Các phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Thắng; các xã: San Thành, Nậm Loỏng.	24

IV.4. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT

Tên đơn vị hành chính	VT1
Các phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Thắng; các xã: San Thành, Nậm Loỏng.	7

IV.5. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2	
	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2
Nậm Loỏng, San Thàng.	550	330	220	330	

IV.6. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2	
	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2
Nậm Loỏng, San Thàng.	440	264	176	264	

IV.7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng
2	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh
3	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính
4	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn
5	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng
6	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 đường nhánh vào chợ phường Quyết Thắng
7	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 đường nhánh vào chợ phường Quyết Thắng	Hết ranh giới Công ty Bằng An
8	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngã 3 Đại lộ Lê Lợi
9	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường vào lò gạch thủ công (cạnh DN TN số 6)
10	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường vào lò gạch thủ công (cạnh DN TN số 6)	Tiếp giáp đường 30/4
11	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại Lộ Lê Lợi
12	Đại Lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết khu dân cư số 2 giai đoạn 1
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú
14	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 19-8 và đường Điện Biên Phủ
15	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Chiến Thắng
16	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường tránh ngập
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (cũ)
18	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap
19	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn
20	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên

21	Đường nhánh	Tiếp giáp Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp ngõ 103 Trần Hưng Đạo
22	Ngõ 237 Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động thị xã
23	Đường nhánh	Lối rẽ vào cổng Thị đội	Hết Sứ Giao thông (cũ)
24	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (chợ phường Quyết Thắng)
25	Ngõ 226 Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy gạch Tuynel cũ
26	Đường nhánh	Ngõ 103- đường Trần Hưng Đạo	Hết số nhà 003 ngõ 103 Trần Hưng Đạo
27	Đường Trần Duy Hưng	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
28	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại Lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)
29	Đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới
30	Đường Chiến Thắng	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi
31	Đường 19/8	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
32	Ngõ 076- Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	+ 250m
33	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	+150m
34	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc
35	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ
36	Đường 30/4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện tỉnh mới
37	Đường 30/4	Tiếp giáp Bệnh viện tỉnh mới	Tiếp giáp đường Trường Chinh
KHU DẪN CƯ 1 A			
38	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30/4	Đường Nguyễn Lương Bằng
39	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
40	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình (số 10)
41	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
42	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
43	Đường B3 (13,5 m)	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình
44	Đường B5 (13,5 m)	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình
45	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện
46	Đường B11 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện
47	Đường A11 (9m)	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
48	Đường A11 (13,5m)	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường B12 (khu 1 mở rộng)
49	Đường B12 (13,5m)	Tiếp giáp đường B5	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình
50	Đường A-1; A-2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu
51	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Cuối đường
KHU DẪN CƯ 1B			
52	Đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
53	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
54	Đường số 7 (13m)	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường A2
55	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
56	Đường số 10 và số 11(9m)	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường A5
57	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường số A14
58	Đường A1 (11m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường A18

59	Đường A2 (rộng 9m)	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến
60	Đường A3 (11m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường A18
61	Đường A4, A5 (9m)	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót
62	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11
63	Đường A12, A13 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp đường A4
64	Đường A14, A15	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường A2
65	Đường A16, A17	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường số 10
66	Đường A18	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường A4
KHU DÂN CƯ SỐ 1 MỞ RỘNG			
67	Đường B12	Tiếp giáp đường số 4C	Tiếp giáp đường A11
68	Đường số 4C (20,5m)	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
69	Tuyến C3; C5	Tiếp giáp đường B12	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
70	Nhánh N1; N2; N3;N5	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Tiếp giáp đường B12
71	Nhánh N6	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Tiếp giáp đường B12 và Nhánh N7
72	Nhánh N7	Tiếp giáp đường A11	Tiếp giáp đường 30-4
KHU DÂN CƯ SỐ 2 (300 hộ)			
73	Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp
74	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp đường N-04
75	Đường T01, T02 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
76	Đường T03(13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Giáp đường An Dương Vương
77	Đường D01(16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
78	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
79	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Thượng Hiền	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái
80	Phố Quyết Tiến (41m)	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường D01
KHU DÂN CƯ 2A			
81	Đường 3A (9m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai
82	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường 8A
83	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp Địa lộ Lê Lợi
84	Đường 6A (13,5m)	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6
85	Đường 7A (24m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai
86	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A
87	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1
88	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp đường 3A	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh
89	Đường 11A (11,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai
90	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A
KHU DÂN CƯ SỐ 2B			
91	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
92	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp đường 7B	Tiếp giáp đường số 9B(20,5m)
93	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
94	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
95	Đường 6B (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh

96	Đường 7B (11,5m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
97	Phố Cù Chính Lan	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
98	Đường 9B (13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
99	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch
100	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh
KHU DẪN CƯ SỐ 2C			
101	Đường 5C	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
102	Đường 6C	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường số 8C
103	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp đường số 8C
104	Đường 8C; 9C	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp
105	Đường 2-9	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 2-10
106	Đường số 2-10	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường số 2-8
KHU DẪN CƯ SỐ 2 (ĐỐI DIỆN BỘ CHỈ HUY BIỂN PHÒNG)			
107	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp
108	Trục N-01	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái
109	Trục N-02, N-03	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái
110	Trục N-04 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
111	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu phố	Cuối phố
112	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường N -01	Tiếp giáp đường N-04
KHU TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI			
113	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường 2 - 8
114	Đường 2 - 8	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường 5C
115	Đường 28/06	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
KHU DẪN CƯ SỐ 2 (MỞ RỘNG)			
116	Đường D05, D06, D07 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường 2-7
117	Đường D08 (20,5m)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh
118	Đường D09 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc
119	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường D08
120	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường N5
121	Đường N5 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường D08
122	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường D08	Tiếp giáp đường An Dương Vương
123	Đường T1 (13,5m)	Tiếp giáp đường T3	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
124	Đường T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường T6
125	Đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường D9
126	Đường T4 (9,5m)	Tiếp giáp đường T2-7	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
127	Đường T6 (9,5m)	Tiếp giáp đường T1	Tiếp giáp đường D08
128	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường T03 (KDC số2)
129	Đường T2-7 (13,5m)	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường D08
KHU DẪN CƯ SỐ 4			
130	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp hẻm Thúc Kháng
131	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường hẻm Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
132	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo

133	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Trần Phú
134	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng
135	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
136	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường số 13 (đường QH)
137	Đường số 9 (13,5)	Tiếp giáp đường N16	Tiếp giáp đường D13A
138	Đường số 10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu
139	Đường D3 (13m)	Tiếp giáp Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường N5
140	Đường D4 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường N4
141	Đường D5 (13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường N7
142	Đường D6 (13m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường V3
143	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường V3
144	Đường D9 (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường số 10
145	Đường D10 (13m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường số D9
146	Đường D11 (13m)	Tiếp giáp đường N10	Tiếp giáp đường số 10
147	Đường D12 (9m)	Tiếp giáp đường D10	Tiếp giáp đường số 10
148	Đường D13 (13m)	Tiếp giáp đường An Dương Vương	Tiếp giáp đường số D13A
149	Đường D13A (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường An Dương Vương
150	Đường N2 (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Ngô Quyền
151	Đường N3 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An
152	Đường N4 (13m)	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường D3
153	Đường N5 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường D4
154	Đường N7 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường V3
155	Đường N9, N10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An
156	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Chu Văn An
157	Đường N16 (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường D13
158	Đường V3 (5m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng
KHU DÂN CƯ SỐ 5 (SAU KHO BẠC TỈNH)			
159	Đường T1, T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T 3
160	Đường T3 (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Phố Võ Thị Sáu
161	Đường số 3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên
KHU DÂN CƯ SỐ 6			
162	Đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp đường An Dương Vương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc
163	Đường số 6-3 (17,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường An Dương Vương
164	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường số 6-13	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
165	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú
166	Đường số 6-6	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
167	Đường An Dương Vương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh
168	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường 6-6	Tiếp giáp đường 6-8
169	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
170	Đường số 6-11; 6-12;	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
171	Đường số 6-13	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ TỈNH			

172	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai
173	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh
174	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Phố Mường Kim
175	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp đường Trường Chinh
176	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh
177	Đường số 5-4 (11,5m)	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong
178	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Phố Nguyễn Thị Minh Khai
179	Đường số 5-6 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Nguyễn Thị Minh Khai
180	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Giáp đường Lê Hồng Phong
181	Đường số 5-8, 5-9 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Phố Nguyễn Thị Minh Khai
182	Đường số 5-10 (11,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Vòng sau nhà Văn Hoá vòng trở lại Đường Hoàng Quốc Việt
183	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết địa phận Chi cục Bảo vệ thực vật
184	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp Đường 5-8	Tiếp giáp Đường 5-9
185	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ
186	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh
187	Đường TT-2 (12,0m)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh
KHU NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN			
188	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Ngã 4 lệch đường số 3 (trụ sở DNTN Mạnh Quân)
189	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 3 (trụ sở DNTN Mạnh Quân)
190	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường số 3 (trụ sở DNTN Mạnh Quân)	Tiếp giáp Phố Tô Hiến Thành
191	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
192	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn
193	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường Lê Duẩn
194	Đường số 3 (13,5m)	Tiếp giáp đường Thanh niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn
195	Đường số 4 (13,5m)	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Ngã 4 lệch đường số 3 (trụ sở DNTN Mạnh Quân)
KHU DÂN CƯ SỐ 3 VÀ SỐ 7 – PHƯỜNG QUYẾT THẮNG			
196	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Hiền
197	Đường số 18, Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường số 10-10	Tiếp giáp đường Nguyễn Bình Khiêm
198	Đường 10-10	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi
199	Đường Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường V1
200	Đường V1 (13,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường N2
201	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường V1
202	Đường N6, N9 (13,5 m)	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Phố Nguyễn Hiền
203	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp đường N9
204	Đường Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường V1	Tiếp giáp đường N6
205	Đường R6A (31m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12
206	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12
207	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Chiến Thắng

KHU ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ 450M² - PHƯỜNG QUYẾT THẮNG			
208	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap
209	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap
210	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu
211	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn
212	Đường Tô Hiệu (13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường số 5
KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÀ LÀN THAN			
213	Đường số 7 (nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ
214	Đường số 7 (nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường

IV.8. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng
2	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh
3	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính
4	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn
5	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng
6	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 đường nhánh vào chợ phường Quyết Thắng
7	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 đường nhánh vào chợ phường Quyết Thắng	Hết ranh giới Công ty Bằng An
8	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngã 3 Đại lộ Lê Lợi
9	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường vào lò gạch thủ công (cạnh DN TN số 6)
10	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường vào lò gạch thủ công (cạnh DN TN số 6)	Tiếp giáp đường 30/4
11	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại Lộ Lê Lợi
12	Đại Lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết khu dân cư số 2 giai đoạn 1
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú
14	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 19-8 và đường Điện Biên Phủ
15	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Chiến Thắng
16	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường tránh ngập
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (cũ)
18	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap
19	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn
20	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên
21	Đường nhánh	Tiếp giáp Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp ngõ 103 Trần Hưng Đạo
22	Ngõ 237 Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động thị xã
23	Đường nhánh	Lối rẽ vào cổng Thị đội	Hết Sở Giao thông (cũ)

24	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (chợ phường Quyết Thắng)
25	Ngõ 226 Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy gạch Tuynel cũ
26	Đường nhánh	Ngõ 103- đường Trần Hưng Đạo	Hết số nhà 003 ngõ 103 đường Trần Hưng Đạo
27	Đường Trần Duy Hưng	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
28	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại Lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)
29	Đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới
30	Đường Chiến Thắng	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi
31	Đường 19/8	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
32	Ngõ 076- Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	+ 250m
33	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	+150m
34	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc
35	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ
36	Đường 30/4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện tỉnh mới
37	Đường 30/4	Tiếp giáp Bệnh viện tỉnh mới	Tiếp giáp đường Trường Chinh
KHU DÂN CƯ 1 A			
38	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30/4	Đường Nguyễn Lương Bằng
39	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
40	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình (đường số 10)
41	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
42	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
43	Đường B3 (13,5 m)	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình
44	Đường B5 (13,5 m)	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình
45	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện
46	Đường B11 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện
47	Đường A11 (9m)	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
48	Đường A11 (13,5m)	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường B12 (khu 1 mở rộng)
49	Đường B12 (13,5m)	Tiếp giáp đường B5	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình
50	Đường A-1; A-2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu
51	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Cuối đường
KHU DÂN CƯ 1B			
52	Đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
53	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
54	Đường số 7 (13m)	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường A2
55	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
56	Đường số 10 và số 11(9m)	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường A5
57	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường số A14
58	Đường A1 (11m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường A18

59	Đường A2 (rộng 9m)	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến
60	Đường A3 (11m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường A18
61	Đường A4, A5 (9m)	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót
62	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11
63	Đường A12, A13 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp đường A4
64	Đường A14, A15	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Tiếp giáp đường A2
65	Đường A16, A17	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường số 10
66	Đường A18	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường A4
KHU DÂN CƯ SỐ 1 MỞ RỘNG			
67	Đường B12	Tiếp giáp đường số 4C	Tiếp giáp đường A11
68	Đường số 4C (20,5m)	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
69	Tuyến C3; C5	Tiếp giáp đường B12	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt
70	Nhánh N1; N2; N3;N5	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Tiếp giáp đường B12
71	Nhánh N6	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Tiếp giáp đường B12 và Nhánh N7
72	Nhánh N7	Tiếp giáp đường A11	Tiếp giáp đường 30-4
KHU DÂN CƯ SỐ 2 (300 hộ)			
73	Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp
74	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp đường N-04
75	Đường T01, T02 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
76	Đường T03(13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Giáp đường An Dương Vương
77	Đường D01(16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
78	Đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
79	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Thượng Hiền	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái
80	Phố Quyết Tiến (41m)	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường D01
KHU DÂN CƯ 2A			
81	Đường 3A (9m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai
82	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường 8A
83	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi
84	Đường 6A (13,5m)	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6
85	Đường 7A (24m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai
86	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A
87	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1
88	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp đường 3A	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh
89	Đường 11A (11,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai
90	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A
KHU DÂN CƯ SỐ 2B			
91	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
92	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp đường 7B	Tiếp giáp đường số 9B(20,5m)
93	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh
94	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp đường Đinh Bộ Lĩnh

95	Đường 6B (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
96	Đường 7B (11,5m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
97	Phố Cù Chính Lan	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
98	Đường 9B (13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh
99	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch
100	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh
KHU DÂN CƯ SỐ 2C			
101	Đường 5C	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
102	Đường 6C	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường số 8C
103	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp đường số 8C
104	Đường 8C; 9C	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp
105	Đường 2-9	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 2-10
106	Đường số 2-10	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường số 2-8
KHU DÂN CƯ SỐ 2 (ĐỐI DIỆN BỘ CHỈ HUY BIỂN PHÒNG)			
107	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp
108	Trục N-01	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái
109	Trục N-02, N-03	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái
110	Trục N-04 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ
111	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu phố	Cuối phố
112	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường N -01	Tiếp giáp đường N-04
KHU TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI			
113	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường 2 - 8
114	Đường 2 - 8	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường 5C
115	Đường 28/06	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
KHU DÂN CƯ SỐ 2 (MỞ RỘNG)			
116	Đường D05, D06, D07 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường 2-7
117	Đường D08 (20,5m)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh
118	Đường D09 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc
119	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường D08
120	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường N5
121	Đường N5 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường D08
122	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường D08	Tiếp giáp đường An Dương Vương
123	Đường T1 (13,5m)	Tiếp giáp đường T3	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
124	Đường T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường T6
125	Đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường D9
126	Đường T4 (9,5m)	Tiếp giáp đường T2-7	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
127	Đường T6 (9,5m)	Tiếp giáp đường T1	Tiếp giáp đường D08
128	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường T03 (KDC số2)
129	Đường T2-7 (13,5m)	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường D08
KHU DÂN CƯ SỐ 4			

130	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp huỳnh Thúc Kháng
131	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
132	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo
133	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Trần Phú
134	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng
135	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
136	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường số 13 (đường QH)
137	Đường số 9 (13,5)	Tiếp giáp đường N16	Tiếp giáp đường D13A
138	Đường số 10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu
139	Đường D3 (13m)	Tiếp giáp Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường N5
140	Đường D4 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường N4
141	Đường D5 (13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường N7
142	Đường D6 (13m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường V3
143	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường V3
144	Đường D9 (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường số 10
145	Đường D10 (13m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường số D9
146	Đường D11 (13m)	Tiếp giáp đường N10	Tiếp giáp đường số 10
147	Đường D12 (9m)	Tiếp giáp đường D10	Tiếp giáp đường số 10
148	Đường D13 (13m)	Tiếp giáp đường An Dương Vương	Tiếp giáp đường số D13A
149	Đường D13A (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường An Dương Vương
150	Đường N2 (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Ngô Quyền
151	Đường N3 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An
152	Đường N4 (13m)	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường D3
153	Đường N5 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường D4
154	Đường N7 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường V3
155	Đường N9, N10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An
156	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Chu Văn An
157	Đường N16 (13m)	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường D13
158	Đường V3 (5m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng
KHU DÂN CƯ SỐ 5 (SAU KHO BẠC TỈNH)			
159	Đường T1, T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T 3
160	Đường T3 (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Phố Võ Thị Sáu
161	Đường số 3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên
KHU DÂN CƯ SỐ 6			
162	Đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp đường An Dương Vương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc
163	Đường số 6-3 (17,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường An Dương Vương
164	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường số 6-13	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ
165	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú
166	Đường số 6-6	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
167	Đường An Dương Vương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh
168	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường 6-6	Tiếp giáp đường 6-8
169	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám

170	Đường số 6-11; 6-12;	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
171	Đường số 6-13	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám
KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ TỈNH			
172	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai
173	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh
174	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Phố Mường Kim
175	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp đường Trường Chinh
176	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh
177	Đường số 5-4 (11,5m)	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong
178	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Phố Nguyễn Thị Minh Khai
179	Đường số 5-6 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Nguyễn Thị Minh Khai
180	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Giáp đường Lê Hồng Phong
181	Đường số 5-8, 5-9 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Phố Nguyễn Thị Minh Khai
182	Đường số 5-10 (11,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Vòng sau nhà Văn Hoá vòng trở lại Đường Hoàng Quốc Việt
183	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết địa phận Chi cục Bảo vệ thực vật
184	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp Đường 5-8	Tiếp giáp Đường 5-9
185	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ
186	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh
187	Đường TT-2 (12,0m)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh
KHU NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN			
188	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Ngã 4 lệch đường số 3 (gần trụ sở DNTN Mạnh Quân)
189	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 3 (gần trụ sở DNTN Mạnh Quân)
190	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường số 3 (gần trụ sở DNTN Mạnh Quân)	Tiếp giáp Phố Tô Hiến Thành
191	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh
192	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn
193	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường Lê Duẩn
194	Đường số 3 (13,5m)	Tiếp giáp đường Thanh niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn
195	Đường số 4 (13,5m)	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Ngã 4 lệch đường số 3 (gần trụ sở DNTN Mạnh Quân)
KHU DÂN CƯ SỐ 3 VÀ SỐ 7 – PHƯỜNG QUYẾT THẮNG			
196	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Hiền
197	Đường số 18, Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường số 10-10	Tiếp giáp đường Nguyễn Bình Khiêm
198	Đường 10-10	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi
199	Đường Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường V1
200	Đường V1 (13,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hiền	Tiếp giáp đường N2
201	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường V1
202	Đường N6, N9 (13,5 m)	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Phố Nguyễn Hiền

203	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp đường N9
204	Đường Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường V1	Tiếp giáp đường N6
205	Đường R6A (31m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12
206	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12
207	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Chiến Thắng
KHU ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ 450M² - PHƯỜNG QUYẾT THẮNG			
208	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap
209	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap
210	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu
211	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Chiến Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn
212	Đường Tô Hiệu (13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường số 5
KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÀ LÀN THAN			
213	Đường số 7 (nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ
214	Đường số 7 (nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường

V. HUYỆN SÌN HỒ

V.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2 VỤ)

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Sìn Hồ
2	Các xã: Chăn Nưa, Lê Lợi, Pa Tần, Nậm Tăm.
3	Các xã: Pú Dao, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Hồng Thu, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Tả Ngảo, Xà Dề Phìn, Ma Quai, Nậm Cuối, Noong Hèo, Tả Phìn, Nậm Hăn.
4	Các xã: Tủa Sín Chải, Nậm Ban, Pu Sam Cáp.

V.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Sìn Hồ
2	Các xã: Chăn Nưa, Lê Lợi, Pa Tần, Nậm Tăm.
3	Các xã: Pú Dao, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Hồng Thu, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Tả Ngảo, Xà Dề Phìn, Ma Quai, Nậm Cuối, Noong Hèo, Tả Phìn, Nậm Hăn.
4	Các xã: Tủa Sín Chải, Nậm Ban, Pu Sam Cáp

V.3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Sìn Hồ
2	Các xã: Chăn Nưa, Lê Lợi, Pa Tần, Nậm Tăm.

3	Các xã: Pú Đao, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Hồng Thu, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Tả Ngảo, Xà Dè Phìn, Ma Quai, Nậm Cuối, Noong Hèo, Tả Phìn, Nậm Hăn.
4	Các xã: Tủa Sín Chải, Nậm Ban, Pu Sam Cáp

V.4. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Sin Hồ
2	Các xã: Chăn Nưa, Lê Lợi, Pa Tần, Nậm Tăm.
3	Các xã: Pú Đao, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Hồng Thu, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Tả Ngảo, Xà Dè Phìn, Ma Quai, Nậm Cuối, Noong Hèo, Tả Phìn, Nậm Hăn
4	Các xã: Tủa Sín Chải, Nậm Ban, Pu Sam Cáp

V.5. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Sin Hồ
2	Các xã: Chăn Nưa, Lê Lợi, Pa Tần, Nậm Tăm.
3	Các xã: Pú Đao, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Hồng Thu, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Tả Ngảo, Xà Dè Phìn, Ma Quai, Nậm Cuối, Noong Hèo, Tả Phìn, Nậm Hăn
4	Các xã: Tủa Sín Chải, Nậm Ban, Pu Sam Cáp

V.6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1		
		VT1	VT2	VT3
1	Xã Pa Tần	115	69	46
2	Xã Chăn Nưa, Nậm Tăm.	107	64	43
3	Các xã: Phăng Xô Lin, Tả Ngảo, Noong Hèo, Ma Quai	103	62	41
4	Các xã: Hồng Thu, Làng Mô, Lê Lợi, Phìn Hồ, Tả Phìn, Xà Dè Phìn, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Nậm Cuối	101	61	40
5	Xã Nậm Hăn	59	35	23
6	Các xã: Tủa Sín Chải, Pú Đao, Nậm Ban, Pu Sam Cáp	54	32	22

V.7. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1		
		VT1	VT2	VT3
1	Xã Pa Tần	92	56	38

2	Xã Chăn Nưa, Nậm Tăm.	86	51	35
3	Các xã: Phăng Xô Lin, Tả Ngảo, Noong Hẻo, Ma Quai	82	49	33
4	Các xã: Hồng Thu, Làng Mỏ, Lê Lợi, Phìn Hồ, Tả Phìn, Xà Dề Phìn, Nậm Cha, Cấn Co, Nậm Mạ, Nậm Cuối	81	48	33
5	Xã Nậm Hăn	47	28	19
6	Các xã: Tủa Sín Chải, Pú Dao, Nậm Ban, Pu Sam Cáp	44	26	18

V.8. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ
2	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính	Ngã ba đường lên trường PTDT NT
3	Đường nội thị	Nhà ông Tấn Vỹ (giáp chợ)	Cổng khách sạn Thanh Bình
4	Đường nội thị	Nhà ông Hùng (Thim)	Hết ranh giới trụ sở BQLTĐC huyện
5	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết ranh giới đất nhà bà Nga (Uân)
6	Đường nội thị	Từ trường Mầm Non đến	Hết ranh giới đất nhà ông Châu
7	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính qua Chi cục Thuế	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy(Xương)
8	Đường nội thị	Từ cổng trường PTDT Nội trú huyện	Cổng Bệnh viện
9	Đường lên Huyện đội	Khu tập thể ngân hàng NN-PTNT	Hết ranh giới đất nhà ông Đình
10	Đường nội thị	Tiếp giáp địa phận BQLDABTĐTĐC huyện	Hết địa phận nhà ông Từ
11	Đường nội thị	Tiếp giáp đất nhà ông Long(Thanh)	Tiếp giáp trạm vật tư Nông nghiệp
12	Đường giáp dãy nhà phía Tây chợ	Từ ranh giới đất nhà ông Võ (Cúc)	Hết ranh giới đất nhà ông Lê (Ngọt)
13	Đường nội thị	Từ địa phận nhà bà Bạ	Tiếp giáp đường vào bệnh viện
14	Đường nội thị	Giáp nhà ông Châu	Hết địa phận nhà ông Hồ
15	Đường nội thị	Tiếp giáp nhà bà Thủy(Xương)	Hết địa phận nhà ông Pín
16	Đường nội thị	Giáp nhà ông Hùng (Nhưng)	Tiếp giáp Trạm điện(cũ)
17	Đường nội thị	Tiếp giáp nhà ông Từ	Hết địa phận nhà ông Triều(Sợi)
18	Đường nội thị	Tiếp giáp địa phận nhà ông Triều(Sợi)	Hết địa phận kho mìn Nông nghiệp
19	Đường nội thị	Trạm vật tư nông nghiệp	Suối Hoàng Hồ
20	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng Khách sạn Thanh Bình	Ngã 3 đường lên TTGDTX huyện
21	Đường nội thị	Từ phía sau nhà ông Hà(Sun)	Giáp nhà ông Pín
22	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Nga(Uân)	Hết địa phận nhà ông Páo
23	Đường nội thị	Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Cổng kho Bạc huyện
24	Các đường phố còn lại trong địa bàn Thị trấn		

V.9. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ
2	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính	Ngã ba đường lên trường PTDT NT

3	Đường nội thị	Nhà ông Tấn Vỹ (giáp chợ)	Cổng khách sạn Thanh Bình
4	Đường nội thị	Nhà ông Hùng (Thim)	Hết ranh giới đất BQLTĐC huyện
5	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết ranh giới đất nhà bà Nga (Uân)
6	Đường nội thị	Từ trường Mầm Non đến	Hết ranh giới đất nhà ông Châu
7	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính qua Chi cục Thuế	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy(Xương)
8	Đường nội thị	Từ cổng trường PTDT Nội trú huyện	Cổng Bệnh viện
9	Đường lên Huyện đội	Khu tập thể ngân hàng NN-PTNT	Hết ranh giới đất nhà ông Dính
10	Đường nội thị	Tiếp giáp địa phận BQLDABTĐC huyện	Hết địa phận nhà ông Từ
11	Đường nội thị	Tiếp giáp đất nhà ông Long(Thanh)	Tiếp giáp trạm vật tư Nông nghiệp
12	Đường giáp dãy nhà phía Tây chợ	Từ ranh giới đất nhà ông Võ(Cúc)	Hết ranh giới đất nhà ông Lê (Ngọt)
13	Đường nội thị	Từ địa phận nhà bà Bạ	Tiếp giáp đường vào bệnh viện
14	Đường nội thị	Giáp nhà ông Châu	Hết địa phận nhà ông Hồ
15	Đường nội thị	Tiếp giáp nhà bà Thủy(Xương)	Hết địa phận nhà ông Pín
16	Đường nội thị	Giáp nhà ông Hùng (Nhưng)	Tiếp giáp Trạm điện(cũ)
17	Đường nội thị	Tiếp giáp nhà ông Từ	Hết địa phận nhà ông Triều(Sợi)
18	Đường nội thị	Tiếp giáp địa phận nhà ông Triều(Sợi)	Hết địa phận kho mìn Nông nghiệp
19	Đường nội thị	Trạm vật tư nông nghiệp	Suối Hoàng Hồ
20	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng Khách sạn Thanh Bình	Ngã 3 đường lên TTGDTX huyện
21	Đường nội thị	Từ phía sau nhà ông Hà(Sun)	Giáp nhà ông Pín
22	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Nga(Uân)	Hết địa phận nhà ông Páo
23	Đường nội thị	Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Cổng kho Bạc huyện
24	Các đường phố còn lại trong địa bàn Thị trấn		

VI. HUYỆN PHONG THỎ

VI.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2 VỤ)

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Phong Thổ; Mường So; Khổng Lào.
2	Các xã: Nậm Xe; Bản Lang; Hoang Thèn; Lán Nhì Thàng; Ma Ly Pho.
3	Các xã: Đào San; Huổi Luông; Sì Lờ Lầu; Mỏ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lìn; Mù Sang; Sin Súi Hồ.

VI.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Phong Thổ; Mường So; Khổng Lào.
2	Các xã: Nậm Xe; Bản Lang; Hoang Thèn; Lán Nhì Thàng; Ma Ly Pho.
3	Các xã: Đào San; Huổi Luông; Sì Lờ Lầu; Mỏ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lìn; Mù Sang; Sin Súi Hồ.

VI.3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Phong Thổ; Mường So; Khổng Lào.
2	Các xã: Nậm Xe; Bản Lang; Hoang Thèn; Lân Nhì Thàng; Ma Ly Pho.
3	Các xã: Đào San; Huổi Luông; Sì Lờ Lầu; Mồ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lìn; Mù Sang; Sin Súi Hồ.

VI.4. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Phong Thổ; Mường So; Khổng Lào.
2	Các xã: Nậm Xe; Bản Lang; Hoang Thèn; Lân Nhì Thàng; Ma Ly Pho.
3	Các xã: Đào San; Huổi Luông; Sì Lờ Lầu; Mồ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lìn; Mù Sang; Sin Súi Hồ.

VI.5. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

STT	Tên đơn vị hành chính
1	Thị trấn Phong Thổ; Mường So; Khổng Lào.
2	Các xã: Nậm Xe; Bản Lang; Hoang Thèn; Lân Nhì Thàng; Ma Ly Pho.
3	Các xã: Đào San; Huổi Luông; Sì Lờ Lầu; Mồ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lìn; Mù Sang; Sin Súi Hồ.

VI.6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Xã Mường So.	460	277	185	230
2	Các xã: Khổng Lào; Bản Lang; Hoang Thèn; Ma Ly Pho.	290	173	116	190
3	Các xã: Nậm Xe; Đào San; Lân Nhì Thàng; Huổi Luông.	275	164	109	180
4	Các xã: Sì Lờ Lầu; Mồ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lìn; Mù Sang; Sin Súi Hồ.	230	139	92	140

VI.7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (KHU KINH TẾ CỬA KHẨU MA LÙ THÀNG)

STT	Tên đường, khu đất	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 12 (28m)	Tiếp giáp điểm giao với đường B4	Km1
2	Lô số 1		
3	Lô số 2		
4	Lô số 3		
5	Lô số 4		

6	Khu vực Pô Tô, xã Huổi Luông		
7	Khu (M5, M6, M7)		

VI.8. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1			Khu vực 2
		VT1	VT2	VT3	
1	Xã Mường So.	370	222	148	185
2	Các xã: Khổng Lào; Bản Lang; Hoang Thèn; Ma Li Pho.	230	139	92	158
3	Các xã: Nậm Xe; Đào San; Lản Nhì Thàng; Huổi Luông.	220	131	87	147
4	Các xã: Sì Lò Lầu; Mỏ Sì San; Ma Li Chải; Pa Vây Sừ; Vàng Ma Chải; Tung Qua Lin; Mù Sang; Sin Súi Hồ.	185	111	74	92

VI.9. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN (KHU KINH TẾ CỬA KHẨU MA LÙ TỈNH)

STT	Tên đường, khu đất	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 12 (28m)	Tiếp giáp điểm giao với đường B4	Km1
2	Đường B5	Đầu đường	Điểm giao với đường B5 kéo dài
3	Đường 13,5 m	Đầu đường	Cuối đường
4	Đường tuần tra	Km0 + 00	Km0 + 485,65
5	Khu (M1, M2, M3, M4)		

VI.10. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 4D	Km 0	Km 1+300
2	Quốc lộ 4D	Km 1+300	Km 1+600
3	Quốc lộ 4D	Km 1+600	Km 2+400
4	Quốc lộ 4D	Km 2+400	Km 6 + 300
5	Quốc lộ 12	Km 18	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông
6	Quốc lộ 12	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Km 20+200 (Nhà máy nước)
7	Quốc lộ 12	Km 20+200 (Nhà máy nước)	Km 21 (Bệnh viện)
8	Quốc lộ 12	Km 21(Bệnh viện)	Km21+300
9	Quốc lộ 12	Km 21+300	Km 25+500 (Hết địa phận thị trấn Phom Thồ)
KHU DÂN CƯ PHÍA NAM			
10	Đường nội thị dãy 1 tiếp sau QL 4D(9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
11	Đường nội thị dãy 2 (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
12	Đường nội thị dãy 3 (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC			

13	Đường nội thị (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
14	Đường nội thị(10,5m)	Đầu đường	Cuối đường
15	Đường nội thị(20,5m)	Cầu Pa so	Cầu nội thị mới
16	Đường nội thị(11,5m)	Đầu đường	Cuối đường
17	Các vị trí còn lại của thị trấn Phong Thổ		

VI.11. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Quốc lộ 4D	Km 0	Km 1+300
2	Quốc lộ 4D	Km 1+300	Km 1+600
3	Quốc lộ 4D	Km 1+600	Km 2+400
4	Quốc lộ 4D	Km 2+400	Km 6 + 300
5	Quốc lộ 12	Km 18	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông
6	Quốc lộ 12	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Km 20+200
7	Quốc lộ 12	Km 20+200	Km 21
8	Quốc lộ 12	Km 21	Km 21+300
9	Quốc lộ 12	Km 21	Km 25+500
KHU DÂN CƯ PHÍA NAM			
10	Đường nội thị dãy 1 tiếp sau QL 4D(9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
11	Đường nội thị dãy 2 (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
12	Đường nội thị dãy 3 (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC			
13	Đường nội thị (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường
14	Đường nội thị(10,5m)	Đầu đường	Cuối đường
15	Đường nội thị(20,5m)	Cầu Pa so	Cầu nội thị mới
16	Đường nội thị(11,5m)	Đầu đường	Cuối đường
17	Các vị trí còn lại của thị trấn Phong Thổ		

VII. HUYỆN MƯỜNG TÈ

VII.1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC

STT	Tên đơn vị hành chính	V
1	Thị trấn Mường Tè; Kan Hồ; Mường Mô; Nậm Hàng; Mường Tè; Bum Nưa.	3
2	Các xã: Bum Tờ; Hua Bum; Nậm Manh.	3
3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lùm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	1

VII.2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI

STT	Tên đơn vị hành chính	V
-----	-----------------------	---

1	Thị trấn Mường Tè; Kan Hồ; Mường Mô; Nậm Hàng; Mường Tè; Bum Nưa.	
2	Các xã: Bum Tở; Hua Bum; Nậm Manh.	
3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lùm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	

VII.3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

STT	Tên đơn vị hành chính	V
1	Thị trấn Mường Tè; Kan Hồ; Mường Mô; Nậm Hàng; Mường Tè; Bum Nưa.	
2	Các xã: Bum Tở; Hua Bum; Nậm Manh.	
3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lùm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	

VII.4. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

STT	Tên đơn vị hành chính	V
1	Thị trấn Mường Tè; Kan Hồ; Mường Mô; Nậm Hàng; Mường Tè; Bum Nưa.	
2	Các xã: Bum Tở; Hua Bum; Nậm Manh.	
3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lùm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	

VII.5. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT

STT	Tên đơn vị hành chính	V
1	Thị trấn Mường Tè; Kan Hồ; Mường Mô; Nậm Hàng; Mường Tè; Bum Nưa.	
2	Các xã: Bum Tở; Hua Bum; Nậm Manh.	
3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lùm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	

VII.6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1		
		VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Kan Hồ; Mường Mô; Mường Tè; Bum Nưa; Nậm Hàng.	97	68	49
2	Các xã: Bum Tở; Hua Bum; Nậm Manh.	88	62	44
3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lùm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	63	44	32

VII.7. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đơn vị hành chính	Khu vực 1		
		VT1	VT2	VT3
1	Các xã: Kan Hồ; Mường Mô; Mường Tè; Bum Nưa; Nậm Hàng.	78	54	39
2	Các xã: Bum Tở; Hua Bum; Nậm Manh.	70	50	35

3	Các xã: Ka Lăng; Thu Lũm; Pa Ủ; Pa Vệ Sừ; Nậm Khao; Tà Tổng; Mù Cả.	50	35	26
---	---	----	----	----

VII.8. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Đường nội thị	Đập tràn Huổi Cuổng	Dốc Phiêng Ban (nhà ông Hiền Chiến)
2	Đường nội thị	Khu chung cư	Dốc đài truyền hình (cũ)
3	Đường nội thị	Ngã tư (đường xuống Bệnh viện)	Hết cửa hàng thương nghiệp TT mở rộng
4	Đường nội thị	Ngã tư	Trụ sở UBND huyện (TT mở rộng)
5	Đường nội thị	Sau DN 14 vòng qua Chi cục thuế - Kho bạc	Nhà ông Phú (phía sau nhà Toàn Hườn)
6	Đường nội thị	Đài truyền hình (mới)	Ngã ba Bến xe khách
7	Đường nội thị	Chân đài truyền hình (cũ)	Địa phận xã Bum Nưa
8	Đường nội thị	Khu chung cư	Dốc Phiêng Ban (nhà ông Hiền Chiến)
9	Đường nội thị	Sau cửa hàng thương nghiệp (khu MB mới)	Phía sau (phía tây Trung tâm Y tế sâu 20m)
10	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Tân Thuận	Bờ kè đường tam cấp xuống bệnh viện
11	Đường vòng qua Đảo	Nhà nghỉ C.ty Thương Nghiệp	Đài truyền hình (mới)
12	Đường nội thị	Phía sau cây xăng (nhà ông Bảo)	Trước cửa nhà ông Đại
13	Đường nội thị	Phía sau ngân hàng nông nghiệp	Trung tâm GDTX huyện
14	Đường nội thị	Ngân hàng chính sách	Tiếp giáp Ban chỉ huy quân sự huyện
15	Đường nội thị	Phía sau cửa hàng thương nghiệp	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà trẻ
16	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Gám	Chân dốc huyện đội cũ
17	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Cắm	Giáp trụ sở UBND thị trấn cũ
18	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phà	Nhà ông Po
19	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phong Thúy	Nhà ông Chu Đại Cà
20	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Lâm Tình	Trạm bảo vệ thực vật
21	Nhánh nội thị (cầu Nậm Cẩu)	Ngã tư bến xe	Chân đài truyền hình (men theo suối Nậm Cẩu)
22	Đường nội thị	Các vị trí còn lại trong địa bàn Thị trấn	

VII.9. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

STT	Tên đường phố	Đoạn đường	
		Từ	Đến
1	Đường nội thị	Đập tràn Huổi Cuổng	Dốc Phiêng Ban (nhà ông Hiền Chiến)
2	Đường nội thị	Khu chung cư	Dốc đài truyền hình (cũ)
3	Đường nội thị	Ngã tư (đường xuống Bệnh viện)	Hết cửa hàng thương nghiệp TT mở rộng
4	Đường nội thị	Ngã tư	Trụ sở UBND huyện (TT mở rộng)
5	Đường nội thị	Sau DN 14 vòng qua Chi cục thuế - Kho bạc	Nhà ông Phú (phía sau nhà Toàn Hườn)

6	Đường nội thị	Đài truyền hình (mới)	Ngã ba Bến xe khách
7	Đường nội thị	Chân đài truyền hình (cũ)	Địa phận xã Bum Nura
8	Đường nội thị	Khu chung cư	Dốc Phiêng Ban (nhà ông Hiền Chiến)
9	Đường nội thị	Sau cửa hàng thương nghiệp (khu MB mới)	Phía sau (phía tây Trung tâm Y tế sâu 20m)
10	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Tân Thuận	Bờ kè đường tam cấp xuống bệnh viện
11	Đường vòng qua Đào	Nhà nghỉ C.ty Thương Nghiệp	Đài truyền hình (mới)
12	Đường nội thị	Phía sau cây xăng (nhà ông Bảo)	Trước cửa nhà ông Đại
13	Đường nội thị	Phía sau ngân hàng nông nghiệp	Trung tâm GDTX huyện
14	Đường nội thị	Ngân hàng chính sách	Tiếp giáp Ban chỉ huy quân sự huyện
15	Đường nội thị	Phía sau cửa hàng thương nghiệp	Nhà trẻ
16	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Gấm	Chân dốc huyện đội cũ
17	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Cắm	Giáp trụ sở UBND thị trấn cũ
18	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phà	Nhà ông Po
19	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phong Thúy	Nhà ông Chu Đại Cà
20	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Lâm Tinh	Trạm bảo vệ thực vật
21	Nhánh nội thị (cầu Nậm Cầu)	Ngã tư bến xe	Chân đài truyền hình (men theo suối Nậm Cầu)
22	Đường nội thị	Các vị trí còn lại trong địa bàn Thị trấn	

B – GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC VÀ GIÁ ĐẤT GIÁP RANH

I. GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC

I.1. Đất nông nghiệp:

a) Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng giá đất được xác định bằng 50% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí và khu vực.

b) Đất sản xuất nông nghiệp khác, giá đất được xác định bằng giá đất sản xuất nông nghiệp liền kề; trường hợp liền kề nhiều loại đất sản xuất nông nghiệp thì căn cứ vào loại đất sản xuất nông nghiệp có giá thấp nhất.

c) Đất nương rẫy canh tác thường xuyên, liên tục, giá đất được xác định bằng 80% giá của loại đất trồng cây tương ứng trong cùng xã, phường, thị trấn; đất nương rẫy canh tác không thường xuyên (theo tập quán), giá đất được tính bằng 60% giá của loại đất trồng cây tương ứng trong cùng xã, phường, thị trấn.

I.2. Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp; đất quốc phòng, an ninh; đất phi nông nghiệp khác: giá đất bằng 80% giá đất ở cùng vị trí và khu vực.

I.3. Đất sử dụng vào mục đích công cộng: giá đất bằng 70% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí và khu vực.

I.4. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: giá đất bằng 80% giá đất liền kề. Nếu liền kề với nhiều loại đất khác nhau thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá thấp nhất; trường hợp không có các loại đất đã định giá liền kề thì tính bằng 40% giá đất ở cùng vị trí và khu vực.

I.5. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản: giá đất được xác định bằng 80% giá đất nuôi trồng thủy sản; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng, khai thác thủy sản thì giá đất được xác định bằng 80% giá đất phi nông nghiệp cùng vị trí và khu vực.

I.6. Đất chưa sử dụng: giá đất bằng 20% giá đất liền kề. Khi đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng thì giá đất được xác định bằng giá đất cùng loại, cùng vị trí và khu vực.

II. GIÁ ĐẤT GIÁP RANH

Đất phi nông nghiệp tại thuộc khu vực giáp ranh được xác định theo đường địa giới hành chính giữa các huyện, thị xã vào mỗi bên 100 m, đối với đất nông nghiệp vào mỗi bên 200 m và được xác định trọn thửa đất (*Trường hợp thửa đất có phần diện tích nằm ngoài giới hạn khoảng cách*), giá đất được xác định như sau:

II.1. Trường hợp thửa đất khu vực giáp ranh thuộc đơn vị hành chính có giá đất thấp hơn thì giá đất được xác định bằng trung bình giá đất cùng loại, cùng vị trí của hai đơn vị hành chính giáp ranh;

II.2. Trường hợp thửa đất nằm trên nhiều đơn vị hành chính thì giá đất được xác định bằng giá đất cùng vị trí và khu vực của đơn vị hành chính giáp ranh có giá đất cao nhất;

II.3. Trường hợp các đơn vị hành chính được ngăn cách bởi sông, suối, đồi, núi, đèo thì không xếp loại đất giáp ranh.

C – QUY ĐỊNH VỀ KHU VỰC, VỊ TRÍ XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT

I. ĐỐI VỚI ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

I.1. Vị trí 1: Phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có từ một yếu tố khoảng cách trở lên:
- + Đất nông nghiệp tiếp giáp khu dân cư đến mét thứ 500;
- + Đất nông nghiệp tiếp giáp chợ đến mét thứ 1000;
- + Đất nông nghiệp tiếp giáp vỉa hè, hành lang bảo vệ đường bộ hoặc mép đường giao thông (đối với nơi chưa có quy hoạch) đến mét thứ 500.
- Kết hợp với ít nhất hai yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp.

I.2. Vị trí 2: Phải đảm bảo các điều kiện:

- Đất tiếp giáp vị trí 1 đến mét thứ 500
- Kết hợp với ít nhất một yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp.

Trường hợp vị trí 2, cùng cánh đồng (ruộng lúa), cùng đồi (đất nương) với vị trí 1 và có ít nhất hai yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp được xếp vào vị trí 1.

I.3. Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại.

Trường hợp vị trí 3, cùng cánh đồng (ruộng lúa), cùng đồi (đất nương) với vị trí 2 và có ít nhất một yếu tố lợi thế cho sản xuất nông nghiệp được xếp vào vị trí 2.

II. ĐỐI VỚI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

II.1. Khu vực 1: Đất thuộc khu vực tiếp giáp Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, giao thông nông thôn tại trung tâm xã, cụm xã; tiếp giáp khu thương mại, dịch vụ, chợ, khu du lịch, khu công nghiệp có khả năng sinh lợi cao, có kết cấu hạ tầng tốt, thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ được chia làm ba vị trí,

a) Vị trí 1: Đất tiếp giáp vỉa hè, chỉ giới đường giao thông hoặc mép đường giao thông (đối với nơi chưa có quy hoạch) đến mét thứ 40;

b) Vị trí 2: Thửa đất tiếp giáp vị trí 1 đến mét thứ 100.

c) Vị trí 3: Phần diện tích còn lại của thửa đất tiếp giáp vị trí 2.

II.2. Khu vực 2: Đất thuộc khu vực tiếp giáp với đường giao thông liên xã, liên thôn, bản; đất tiếp giáp với khu vực 1; khu vực có khả năng sinh lợi, kết cấu hạ tầng và điều kiện sinh hoạt, kinh doanh, cung cấp dịch vụ kém thuận lợi hơn khu vực 1 và phân thành 02 vị trí sau:

a) Vị trí 1: Đất tiếp giáp đường giao thông đến 40 m;

b) Vị trí 2:

- Đất sau mét thứ 40 của vị trí 1 đến mét thứ 100;

- Phần diện tích còn lại của thửa đất tiếp giáp vị trí 1.

II.3. Khu vực 3: Vị trí đất phi nông nghiệp còn lại trên địa bàn xã.

II.4. Trường hợp đặc biệt

- Thửa đất có vị trí tiếp giáp ngã ba, ngã tư đường giao thông, giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất cùng vị trí đó; trường hợp thửa đất tiếp giáp nhiều đoạn đường thì giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất của đất tiếp giáp với đoạn đường có giá đất cao nhất.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: được tính một giá cho toàn bộ thửa đất, giá đất được xác định theo giá của vị trí cao nhất thửa đất, khu đất đó.

III. ĐỐI VỚI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

III.1. Phân vị trí

a) Vị trí 1: Đất có vị trí tiếp giáp với đường phố, tính từ chỉ giới quy hoạch hành lang an toàn giao thông đến mét thứ 20;

b) Vị trí 2: Đất tiếp giáp vị trí 1 đến mét thứ 40; đất tiếp giáp với ngõ, ngách đến mét thứ 20 (mặt đường ngõ, ngách có chiều rộng từ 3m trở lên, cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, đi lại tương đối thuận tiện...).

c) Vị trí 3: Vị trí đất phi nông nghiệp còn lại.

III.2. Trường hợp đặc biệt

- Thửa đất có vị trí tiếp giáp ngã ba, ngã tư đường giao thông, giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất cùng vị trí đó; trường hợp thửa đất tiếp giáp nhiều đoạn đường thì giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất của đất tiếp giáp với đoạn đường có giá đất cao nhất.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: được tính một giá cho toàn bộ thửa đất, giá đất được xác định theo giá của vị trí cao nhất thửa đất, khu đất đó./.

Tài liệu được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>